

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/02/ 2022

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Ông Võ Văn Ty.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2022 /QĐXX ST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa 562/2022/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự
Nguyên đơn: Anh Trần Minh Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, thành phố T3, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1999

Địa chỉ: Đường Đ, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Tất cả đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2021 và các văn bản tố tụng khác nguyên đơn anh Trần Minh Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P có tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng. Cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã T2, thành phố T3, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh ở Quảng Nam. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, khoảng đến cuối năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường có lời qua tiếng lại, vì không thống nhất về chỗ ở, chị P không muốn sống chung nhà với cha mẹ chồng mà chỉ muốn về quê chị ở Bình Định. Ngoài ra anh chị còn những mâu

thuần lặt vặt khác trong cuộc sống hàng ngày, thường lời qua tiếng lại. Từ cuối năm 2019, P tự bỏ nhà dẫn con về Bình Định ở cho đến nay, anh có đến nhà mẹ vợ để động viên Phượng quay về nhưng không đồng ý. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Trần Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 27/9/2018. Hiện nay cháu N1 đang ở với chị P. Anh yêu cầu giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2021 và các văn bản tố tụng khác bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Trước khi cưới, chị và anh Trần Minh Q có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã T2, thành phố T3, tỉnh Quảng Nam. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở Quảng Nam. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, vài tháng sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q thay đổi tính tình, anh không quan tâm đến vợ con, hay uống rượu bia với bạn bè, anh vô kể chửi mắng và nhiều lần đuổi vợ ra khỏi nhà, vợ chồng thường có lời qua tiếng lại. Ngoài ra còn có những mâu thuẫn lặt vặt khác trong cuộc sống hàng ngày. Cuối năm 2019, chị buồn bực nên dẫn con về quê sống. Hiện chị xác định không còn tình cảm với anh Q nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q. Chị không yêu cầu Tòa hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Trần Nguyễn Trọng N1, sinh ngày: 27/9/2018, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, thời điểm cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu N1 đến tuổi trưởng thành. Chị làm quản lý nhà hàng bình quân thu nhập hàng tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Q, cho anh Trần Minh Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị P

- Về con chung: Giao người con chung tên Trần Nguyễn Trọng N1, sinh ngày: 27/9/2018 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành. Anh Q cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 1.000.000đ.(Một triệu

đồng) từ nay cho đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng:

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Trần Minh Q và chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q và chị P.

[2] Về mặt nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị P tự nguyện đi đến hôn nhân, anh chị làm thủ tục cưới hỏi và đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 14/6/2018 của UBND xã T2, thành phố T3, tỉnh Quảng Nam nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, anh chị bất đồng quan điểm sống, và có nhiều mâu thuẫn lặt vặt khác trong cuộc sống hàng ngày. Chị P tự bỏ về phía mẹ sống, anh chị không sống chung sống với nhau, chia sẻ nhau những công việc trong cuộc sống hàng ngày, đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện anh chị không còn tình cảm với nhau, chị P không yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân. Qua viện dẫn và phân tích ở trên, HĐXX có cơ sở để xác định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, do đó việc anh Q yêu cầu ly hôn chị P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2.] Xét về yêu cầu nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 27/9/2018 chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu N1, anh Q thống nhất giao cháu N1 cho chị P nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX công nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ. Qua xem xét mức chi phí sinh hoạt ở địa phương của trẻ em hiện nay thì mức cấp dưỡng với 1.000.000đ là phù hợp quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của chị P, buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2022 còn về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng căn cứ theo Điều 117 và 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung và nợ: Anh Q và chị P không yêu cầu nên miễn xét.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì anh Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ về án phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Minh OQuăng ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 27/9/2018 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Anh Q và chị P không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Minh Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004966 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Anh Q còn phải nộp 300.000đ ((Ba trăm nghìn đồng)

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã T2, thành phố T3, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh